

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện
2. Bà Huỳnh Ngọc Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số: 273/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Hương T, sinh năm 1994; thường trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Văn T, sinh năm 1991; thường trú tại: Số 14/9, khu phố N, phường T, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – bà Hồ Thị Hương T trình bày:*

Bà T và ông Võ Văn T chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05/2019 ngày 04/01/2019.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Võ Triệu M, sinh ngày 12/10/2018.

Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên không hòa hợp, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã sống riêng nhau từ tháng 12/2019 cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên bà T khởi kiện yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn T.

Về con chung: Sau khi ly hôn bà T yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Triệu M, sinh ngày 12/10/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai ngày 27/5/2020, bị đơn ông Võ Văn T trình bày:

Thống nhất với lời khai của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung và nguyên nhân mâu thuẫn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên ông T đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông T yêu cầu được nuôi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên Tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn thay đổi ý kiến, không đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của nguyên đơn

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Hồ Thị Hương T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Võ Văn T và yêu cầu được nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – ông Võ Văn T có nơi cư trú tại khu phố Đông Nhì, phường T, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Thị Hương T và ông Võ Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05/2019 ngày 04/01/2019 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà Hồ Thị Hương T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn T với lý do: Năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, đã sống riêng nhau từ tháng 12/2019 cho đến nay. Quá trình tố tụng ông T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình

cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên tại phiên Tòa ông T không đồng ý ly hôn. Xét thấy: Quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng bà T và ông T vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đã sống riêng nhau từ tháng 12/2019 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống nên việc bà T xin ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Ông T và bà T đều yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Võ Triệu M, sinh ngày 12/10/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ai là người nuôi con tự nguyện không yêu cầu người kia cấp dưỡng, xét thấy: Cả hai vợ chồng ông T và bà T đều có nghề nghiệp ổn định, có đủ điều kiện chăm sóc con tốt. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng sống riêng, con chung sống với bà T. Bà T nuôi con tốt, có trách nhiệm với con cái nên con phát triển bình thường, khỏe mạnh. Và hiện nay con chung chưa đủ 36 tháng tuổi nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình phải giao cho mẹ chăm sóc. Do vậy, cần tiếp tục duy trì việc nuôi con của bà T là đảm bảo sự ổn định, quyền lợi mọi mặt của con là phù hợp với pháp luật.

Về cấp dưỡng: Bà T tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Hương T được ly hôn ông Võ Văn T

- Về con chung: Giao con chung tên Võ Triệu M, sinh ngày 12/10/2018 cho bà Hồ Thị Hương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0046336 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Phòng Tư pháp thành phố Thuận An;
- UBND phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương ;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Huỳnh Minh Trí